

Số: 4038/QĐ-UBND

Vĩnh Cửu, ngày 01 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo)
Công trình: Xây dựng mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo
Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện Vĩnh Cửu.
Địa điểm xây dựng: Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/05/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu v/v Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình Xây dựng mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện Vĩnh Cửu;

Trên cơ sở Quyết định số 611/QĐ-BQL ngày 24/11/2023 của Ban Quản lý dự án về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Xây dựng mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện Vĩnh Cửu;

Căn cứ Quyết định số 3966/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc điều chỉnh vốn Kế hoạch Đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2023 (Lần 5);

Xét đề nghị của phòng Tài chính- Kế hoạch tại Báo cáo số 226 /BC-TCKH ngày 01 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) công trình: Xây dựng mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện Vĩnh Cửu, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Ban Quản lý dự án huyện chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ quy định của Luật đấu thầu và các quy định hiện hành. Đồng thời, căn cứ vào Kế hoạch vốn đã bố trí Chủ đầu tư tổ chức tiến độ thực hiện cho phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ các điều khoản, tránh việc nhà thầu thác mắc đề nghị bổ sung vốn.

- Khi tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu xây lắp yêu cầu Chủ đầu tư kiểm tra, rà soát khối lượng, đơn giá xây dựng của gói thầu và Suất đầu tư xây dựng được công bố hiện hành để xác định giá trị hợp đồng sao cho phù hợp với giá trị tại thời điểm triển khai.

- Ngoài việc thực hiện Lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp theo đúng quy định hiện hành. Yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện theo đúng các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại văn bản số 817/UBND-ĐT ngày 21/01/2019 và văn bản 3988/UBND-KT ngày 10/04/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

- Tổ chức quản lý đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

- Hoàn tất các thủ tục về đất đai, xây dựng...theo quy định trước khi thực hiện khởi công dự án.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án tiến hành cập nhật các chính sách về thuế theo đúng quy định.

- Thường xuyên cập nhật quy định của các văn bản pháp lý. Khi có thay đổi, điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời tham mưu UBND huyện xử lý theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Trưởng phòng Văn hóa thông tin, Giám đốc Ban Quản lý dự án, Chủ tịch UBND Thị trấn Vĩnh An, Giám đốc Trung tâm Văn hóa TT-TT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Vĩnh Cửu, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4 (để thi hành);
 - CT, PCT.UBND huyện;
 - C,PVP. HĐND&UBND huyện;
 - Lưu VT +CVKT.
- <D:\DULIEU 2023\KH. LCNT>

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Phương

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (tiếp theo)

Công trình: Xây dựng mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện Vĩnh Cửu.

(Kèm theo Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

| ST T | Tên gói thầu | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng | Thời gian ký hợp đồng |
|------|--|---|-----------------|---|-------------------------------|---|---------------|--------------------------------------|---|
| 1 | Gói thầu số 05: Tháo dỡ khối hội trường hiện hữu và hành lang cầu nổi | 165.429.789 | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý IV năm 2023 | Trọn gói | Tối đa là 10 ngày kể từ ký hợp đồng | Ngày ký hợp đồng không chậm hơn 07 ngày kể từ ngày ký quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu. |
| 2 | Gói thầu số 06 (xây lắp): Nội dung chi phí xây dựng (không bao gồm hạng mục Tháo dỡ, Trạm biến áp và PCCC) | 19.357.149.678 | Ngân sách huyện | Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng. | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | Quý IV năm 2023 - Quý I năm 2024 | Trọn gói | Tối đa là 240 ngày kể từ ký hợp đồng | |
| 3 | Gói thầu số 07: Xây dựng và thiết bị PCCC | 1.342.775.093 (tạm tính đối với CP thiết bị) | Ngân sách huyện | Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng. | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | Quý IV năm 2023 - Quý I năm 2024 | Trọn gói | Tối đa là 270 ngày kể từ ký hợp đồng | |
| 4 | Gói thầu số 08: Xây dựng và thiết bị trạm biến áp | 546.866.580 (tạm tính đối với CP thiết bị) | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý I năm 2024 | Trọn gói | Tối đa là 60 ngày kể từ ký hợp đồng | |
| 5 | Gói thầu số 09 (Thiết bị): Hệ thống âm thanh, ánh sáng, màn hình led... | 1.696.479.800 (tạm tính) | Ngân sách huyện | Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng. | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ. | Quý I - Quý II năm 2024 | Trọn gói | Tối đa là 60 ngày kể từ ký hợp đồng | |
| 6 | Gói thầu số 10 (Thiết bị): Bàn + ghế, bộ khánh tiết, bục phát biểu... | 1.225.000.000 (tạm tính) | Ngân sách huyện | Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng. | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | Quý I - Quý II năm 2024 | Trọn gói | Tối đa là 60 ngày kể từ ký hợp đồng | |

| ST T | Tên gói thầu | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|------|---|------------------------|-----------------|---------------------------------------|-------------------------------|---|---------------|---|
| 7 | Gói thầu số 11 (Thiết bị bể bơi): Bình lọc cát, máy bơm lọc, máy điện phân muối, phao, ghe HL V... | 216.799.000 (tạm tính) | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý II - Quý III năm 2024 | Trọn gói | Tối đa là 60 ngày kể từ ký hợp đồng |
| 8 | Gói thầu số 12 (Tur ván): Giám sát thi công xây dựng gói thầu số 06, 07 và 08 | 534.634.594 | Ngân sách huyện | Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng | 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ | Quý IV năm 2023 - Quý I năm 2024 | Trọn gói | Từ khi khởi công đến khi nghiệm thu hoàn thành các gói thầu XL đưa vào sử dụng. |
| 9 | Gói thầu số 13 (Tur ván): Giám sát lắp đặt các gói thầu thiết bị. | 33.088.690 | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý I - Quý II năm 2024 | Trọn gói | Theo tiến độ các gói thầu thiết bị. |
| 10 | Gói thầu số 14 (Tur ván): Chỉ phí thẩm định giá thiết bị | 19.300.659 (tạm tính) | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý IV năm 2023 - Quý I năm 2024 | Trọn gói | Tối đa 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng |
| 11 | Gói thầu số 15 (Phi tư vấn): Bảo hiểm công trình | 16.552.294 | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý IV năm 2023 - Quý I năm 2024 | Trọn gói | Từ ngày khởi công các gói thầu XL đến hết thời gian bảo hành. |
| 12 | Gói thầu số 16 (Tur ván): Lập HSMT và đánh giá HSĐT gói thầu xây lắp số 06 và gói thầu PCCC số 07 | 74.772.621 | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý IV năm 2023 | Trọn gói | Tối đa 10 ngày cho mỗi nội dung công việc |
| 13 | Gói thầu số 17 (Tur ván): Thẩm định HSMT và thẩm định KQ LCNT gói thầu xây lắp số 06 và gói thầu PCCC số 07 | 19.357.149 | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý IV năm 2023 | Trọn gói | Tối đa 07 ngày cho mỗi nội dung công việc |

Ngày ký hợp đồng không chậm hơn 07 ngày kể từ ngày ký quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu.



| ST T | Tên gói thầu | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng | Ngày ký hợp đồng không chậm hơn 07 ngày kể từ ngày ký quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu. |
|----------------------------------|---|-----------------------|-----------------|-----------------------------|-------------------------------|---|---------------|---|---|
| 14 | Gói thầu số 18 (Tur vản): Lập HSMT và đánh giá HSĐT gói thầu giám sát số 12 | 4.362.618 | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý IV năm 2023 | Trọn gói | Tối đa 10 ngày cho mỗi nội dung công việc | |
| 15 | Gói thầu số 19 (Tur vản): Thẩm định HSMT và thẩm định KQ LCNT gói thầu giám sát số 12 | 2.200.000 | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý IV năm 2023 | Trọn gói | Tối đa 07 ngày cho mỗi nội dung công việc | |
| 16 | Gói thầu số 20 (Tur vản): Lập HSMT và đánh giá HSĐT gói thầu thiết bị số 09 và số 10. | 10.721.830 | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý I - Quý II năm 2024 | Trọn gói | Tối đa 10 ngày cho mỗi nội dung công việc | |
| 17 | Gói thầu số 21 (Tur vản): Thẩm định HSMT và thẩm định KQ LCNT gói thầu thiết bị số 09 và số 10. | 2.921.479 | Ngân sách huyện | Chỉ định thầu rút gọn. | | Quý I - Quý II năm 2024 | Trọn gói | Tối đa 07 ngày cho mỗi nội dung công việc | |
| Tổng giá trị các gói thầu | | 25.268.411.874 | | | | | | | |

Bảng chú: Hai mươi lăm tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm mười tám nghìn, bốn trăm mười một ngàn, tám trăm bảy mươi bốn đồng.

Ghi chú: Giá trị gói thầu CP thiết bị là giá trị “tạm tính”. Giá trị cụ thể của các gói thầu sẽ được thẩm định giá theo quy định hiện hành./.

